

Bài báo nghiên cứu

QUAN NIỆM NHÂN TƯỚNG CỦA DÂN GIAN
QUA CA DAO, TỤC NGŨ NGƯỜI VIỆT**Đặng Quốc Minh Dương**

Trường Đại học Văn Hiến, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Đặng Quốc Minh Dương – Email: duongdqm@vhu.edu.vn

Ngày nhận bài: 06-10-2024; ngày nhận bài sửa: 19-02-2025; ngày duyệt đăng: 01-03-2025

TÓM TẮT

Nhân tướng học nghiên cứu các đặc điểm trên cơ thể con người để suy đoán tính cách, số mệnh của người đó. Khảo sát tục ngữ, ca dao người Việt cho thấy dân gian đề cập đến một số vấn đề như tính cách con người, về chuyện tình duyên và chuyện chồng con, về một số vấn đề khác như tài năng, hoạn lộ, chuyện tiền tài và tuổi thọ của con người. Nhân tướng học trong tục ngữ, ca dao chịu ảnh hưởng của tư tưởng lễ giáo phong kiến, giáo lí Phật giáo. Với sự sàng lọc của thời gian, ngày nay có một số phán đoán đã cho thấy sự lỗi thời, sự thiên vị của nó, nhất là những nhận định liên quan đến nữ giới. Khảo sát cũng cho thấy các đơn vị nói về nhân tướng học có kết cấu riêng theo kiểu nhân – quả, diễn dịch – quy nạp.

Từ khóa: nhân tướng học; tính cách; tục ngữ và ca dao Việt Nam

1. Dẫn nhập

Nhân tướng học (phrenology) hay còn gọi là tướng số học là bộ môn nghiên cứu các đặc điểm trên khuôn mặt hay các bộ phận khác của con người để suy đoán tính cách, số mệnh sướng, khổ của một người. Bộ môn này xuất phát từ bên Trung Hoa, với nhiều chỉ dẫn có tính cách kinh điển qua các cuốn sách như *Ma y tướng pháp*, *Liễu trang thủy kính*, *Vương thị phong giám*, *Tướng lí hành chân*... Bên cạnh đó, nhân tướng học cũng chú ý đến các biểu hiện bên ngoài của con người như cách ăn nói, đi đứng để đánh giá về tâm lí, cá tính và có thể là tương lai của một người. Phan Kế Bính cho rằng:

Người ta bầm tụ khí chất của trời đất mà sinh ra, có người được khí thanh tú, có người phải khí ô trọc; có người được chất tinh anh, có người phải chất thô鄙. Thanh tú, tinh anh thì rồi nên người hiền hậu; ô trọc, thô鄙 thì rồi ra người ngu xuẩn, người bạc ác. Khôn ngoan hiền hậu thì tất được hưởng những sự phú quý phong lưu, trường thọ danh giá, mà hiện ra ngoài thân thể mặt mũi tất nhiên đầy đặn sáng sủa, ngay ngắn phương phi; ngu xuẩn, bạc ác thì tất phải chịu những sự bần tiện khổ sở, tai nạn tật ách, mà

Cite this article as: Dang, Q. M. D. (2025). The folk belief in physiognomy through Vietnamese folksongs and proverbs. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 22(4), 746-748. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.4.4536\(2025\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.22.4.4536(2025))

hiện ra ngoài thân thể mặt mũi tất nhiên lệch lạc, tối tăm mỏng mẻo. Ấy là cái cơ sở dĩ có phép tướng. (Phan, 2022, pp.342-343)

Đào Duy Anh cũng cho rằng nhân tướng học có nguồn gốc từ Trung Quốc xưa. Theo ông, chung quy thì “số nào cũng lấy âm dương ngũ hành chế hóa sinh khắc và tính theo chiều độ nhật nguyệt tinh thần hợp với ngày sinh tháng đẻ của từng người mà đoán số mệnh giàu nghèo sang hèn của từng người mà đoán số mệnh giàu nghèo sang hèn thọ yếu thể nào” (Dao, 1998, pp.354-355). Theo Nhất Thanh:

Các cụ ta còn cho rằng khí thiêng sông núi hun đúc nên người tài trí khác thường (...). Nói về tính tình thì người nơi núi cao nước sâu thường hồn nhiên chất – phác, trái lại nơi núi không cao, nước không sâu thì đàn ông giả dối, đàn bà đa dâm (sơn bất cao thủy bất thâm, nam đa trá nữ đa dâm). Nhận xét trên đây ở các xứ khác chẳng biết có đúng không, riêng ở đất nước ta thì là một thành kiến từ lâu đời không một ai chối cãi. (Nhất Thanh, 1968, p.67)

Không chỉ dừng lại ở quan niệm, nhân tướng học còn được thể hiện qua cả sử sách, qua văn học nghệ thuật. Trong các bộ chính sử, khi mô tả về chân dung của các bậc vua chúa, sử quán cũng thiên về miêu tả tướng mạo hơn là diện mạo, vua tả thần hơn tả thực. Chẳng hạn, đây là cách miêu tả của Nguyễn Công Bật về Lý Nhân Tông:

Tuổi thơ lên ngôi đại bảo, trời đất khuông phú; trẻ nhỏ thống ngự hoàn khu, thần người giúp đỡ. Người rồng mắt phượng, trong ngọc trắng băng. Mắt trong mà xanh rõ ràng, khác mắt hai người để Thuần; tai đẹp mà vành dài rộng, chệ tai ba lỗ Hạ vương. Vóc dáng khôi ngô, bàn chân đầy đặn. Mặt ngọc ôn hòa; trán cao sáng sủa. Thực sự là anh minh của nghìn đời; vượt trên vẻ kì tú của trăm chúa. Đây là vẻ trang nghiêm bề ngoài của bậc hạ vậ. (Phạm, 2019, p.114)

Nghệ thuật miêu tả này cũng gặp trong cách miêu tả về ngoại hình mang tính đế vương của Trần Nhân Tông, Lê Thái Tổ, Lê Nhân Tông...

Trong văn học, khi miêu tả người dân, đặc biệt là nữ giới, các nhà thơ, nhà văn vẫn thường đặt trong cảm quan của nhân tướng học truyền thống. Đây là cái nhìn ít nhiều chịu ảnh hưởng của lễ giáo phong kiến. Chẳng hạn, khi khảo sát văn học trung đại Việt Nam, Lê Thu Yến và Đàm Anh Thư cho rằng: “Có thể nói, hầu hết việc bói toán, xem tướng số khi xuất hiện trong tác phẩm văn học trung đại đều được cả nhân vật trong truyện lẫn tác giả tin tưởng, coi trọng” (Le & Dam, 2012, p.19). Khi bàn về cách miêu tả ngoại hình của hai chị em song Thúy trong *Truyện Kiều*, đặc biệt là với Thúy Kiều, Phạm Văn Hưng cho rằng: “Nguyễn Du miêu tả Thúy Kiều với đặc điểm *Làn thu thủy nét xuân sơn* là dấu chỉ của quan điểm của tướng học truyền thống” (Phạm, 2016, p.143). Cuộc đời của Thúy Kiều cho thấy lời phán đoán của thầy tướng số năm xưa là đúng: *Có người tướng sĩ đoán ngay một lời/ Anh hoa phát tiết ra ngoài/ Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa* (Nguyễn, 2010, p.22). Quan điểm này cũng được thể hiện qua *Kì tài nữ Thục Liên* của Ninh Tôn, qua tác phẩm *Hà Hương phong nguyệt* của Lê Hoàng Mưu...

Khảo sát văn học dân gian người Việt, chúng tôi thấy có rất nhiều câu tục ngữ, bài ca dao đề cập nhân tướng học. Cụ thể, từ bộ *Kho tàng tục ngữ người Việt* (2 tập, Nguyễn Xuân Kính chủ biên), Ca dao người Việt – quyển 3 (Nguyễn Xuân Kính), *Tục ngữ Việt Nam* của

Chu Xuân Diên & Lương Văn Đang; và từ công trình *Ca dao, tục ngữ nói về tướng mạo con người* của Ngô Sao Kim, chúng tôi tập hợp được 210 bài ca dao, câu tục ngữ (gọi chung là đơn vị) liên quan đến đề tài. Tập hợp cho thấy, dân gian đề cập một số phương diện như chuyện tính cách con người, chuyện tiền tài, chuyện hôn sự, chuyện tình duyên, chuyện hoạn lộ... Để tiện theo dõi, chúng tôi lập bảng sau:

Nội dung	Chung	Hôn sự	Hoạn lộ	Tài năng	Tiền tài	Tuổi thọ	Tính cách	Tình duyên	Con cái
Số lượng	14	20	14	12	30	10	82	15	07

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quan niệm nhân tướng của dân gian về tính cách con người

Tính cách là tính chất, đặc điểm về nội tâm của mỗi người, ảnh hưởng trực tiếp đến suy nghĩ, lời nói và hành động của người đó. Tính cách là yếu tố quan trọng nhất của con người. Một người có thể có nhiều tính cách và nhiều người có thể có cùng một tính cách. Tính cách khác với tính tình, tính khí hay cá tính. Người ta thường đánh giá hành động, lời nói và đôi khi là suy nghĩ của một người để suy ra tính cách người đó. Theo khảo sát, có 82 đơn vị nói về nhân tướng liên quan đến tính cách con người, cả ưu điểm lẫn nhược điểm.

Về mặt ưu điểm, dân gian đề cập một số tính cách như: Thật thà, nhân nghĩa, khoan hòa, gan dạ, chịu đựng, thẳng thắn, phúc hậu... Dân gian cho rằng: *Những người thành thật môi dày/ Lại thêm ít nói lòng đầy nghĩa nhân* (Ngo, 2015, p.32). Người có môi dày chiếm được cảm tình của dân gian. Ngoài ưu điểm là ít nói, nhân nghĩa, dân gian còn cho rằng họ là những người hòa nhã: *Môi dày, miệng rộng cân phân/ Nhon trung sâu rộng, tánh chơn khoan hòa* (Ngo, 2015, p.27) Trong nhân tướng học, môi dày được xem là quý tướng, được nhiều người yêu thích. Phụ nữ có môi dày, ngoài sự quyến rũ còn được xem là người có tính cách vui vẻ, hòa đồng và phóng khoáng. Nam giới có môi dày là người cẩn trọng, sâu sắc và tình cảm. Cùng với sự khoan hòa, nhân nghĩa, dân gian cũng đề cao những đức tính như: dịu hiền, thủy chung, đảm đang... của người phụ nữ: *Người khôn con mắt dịu hiền/ Người đại con mắt lảo liên nhìn trời!* (Ngo, 2015, p.34) hay *Mắt phượng, mi mỏng, mày cong/ Tánh tình vui đẹp, giữ lòng thủy chung* (Ngo, 2015, p.36). Người phụ nữ có *Lưng chữ cù vú chữ tâm* (Chu & Luong, 1993, p.309) ngoài việc giỏi về đường con cái, còn được xem là người đảm đang trong việc nội trợ.

Bên cạnh một số nét tính cách mang tính tích cực, dân gian cũng cho thấy sự khắt khe của mình qua việc đánh giá, nhận định về tính cách con người. Khảo sát cho thấy có 57/82 đơn vị mang *chất âm tính*, nhận định về một số tính xấu của con người như tiểu nhân, hay hèn, xác lảo, dữ tợn: mắt trắng, hèn, khó tính, điêu toa, ham ăn, ăn vụng, chây lười... Chẳng hạn, dân gian cho rằng: Người hèn là hững người *tai ngựa ra sau*; Người xác lảo là kẻ có *tai mỏng mà mềm*; Người chây lười có đặc điểm là *lưng dài, vai mập ba gang*; Người ham ăn thường có *râu quặp vô cằm* (nam giới), là người có *ót sâu, lẹm cằm*... Ở trên đã nói về điểm cộng của những người có môi dày. Ngược lại, những người có *môi mỏng* được xem là không

đẹp, không tốt – nhất là với nữ giới. Theo thuật xem tướng của dân gian, người có môi mỏng hay nói lời cay độc, lạnh lùng đối với người khác, là người không trung thực và hay hòn giận: *Miệng rộng, môi mỏng, liếc ngang/ Con gái như thế chẳng màng làm chi* (Ngo, 2015, p.47); *Môi dày ăn vụng đã xong/ Môi mỏng hay hót, môi cong hay hờn* (Ngo, 2015, p.42); *Môi mỏng nói điều sai ngoa/ Mai sau sinh nở con ra hoang đàng* (Chu & Luong, 1993, p.311)... Tuy người có môi mỏng thường có tài hùng biện, ăn nói lưu loát, nhưng theo dân gian thì những người này thường hay hứa hão. Với họ, giữa lời nói và hành động có một khoảng cách rất lớn: *Những người hàm răng thưa thưa/ Hai môi mỏng đánh, hay lừa, xảo ngôn* (Ngo, 2015, p.31). Cùng với đặc điểm này, nhưng với nam giới thì được xem là một ưu điểm, là người tinh khôn: *Những người râu mép ngoảnh ra/ Mép dày môi mỏng, ấy là tinh khôn* (Ngo, 2015, p.32). Bên cạnh môi mỏng, dân gian cũng xem môi thâm là một tướng diện không tốt. Có khi đó là những “khuyến nghị” chung chung như: *Trai bạc mắt, gái thâm môi/ Những người lông bụng chó chơi bạn cùng* (Chu & Luong, 1993, p.311) hay *Cua thâm càng, nàng thâm môi* (Ngo, 2015, p.54). Có khi dân gian chỉ rõ chân tướng của những người này là: *Những người mắt trắng, môi thâm/ Trai thì trộm cướp, gái dâm chồng người*.

Về chất âm bản, dân gian đề cập nhiều hơn cả hai nét tính cách là *sự gian dối* và *phẩm hạnh*. Về *sự gian dối*, dân gian đề cập một số mặt tiêu cực như xảo quyệt, nham hiểm, gian tà, gian manh, bất trung, gian xảo, hiểm độc... *Kẻ nào ti hí mắt lươn/ Nước da sạm sạm, hay lờng thế gian* (Ngo, 2015, p.32); *Những người tai mỏng mà mềm/ Là người xác láo, lại thêm gian tà; Những người cặp mắt láo liên/ Chân mày chữ bát, dạ ghiền gian manh* (Ngo, 2015, p.26); *Người nào trán khuyết một bên/ Thì lòng gian xảo, đâu nên trung thành* (Ngo, 2015, p.34); *Lỗ mũi mỏng, đầu cong, nhọn hoắc/ Ấc lòng tham, hiểm độc gian phi; Mặt chuột, tai thỏ, mũi dơi/ Trai thời gian xảo, gái thời đong đưa* (Ngo, 2015, p.43); *Râu cằm quăn quăn râu dê/ Ăn ở bội bạc, nhiều bề gian manh* (Ngo, 2015, p.33)... Trong nét tính cách âm bản gian dối, *trộm cướp* được xem là trọng tội: *Những người mắt trắng, môi thâm/ Trai thì trộm cướp, gái dâm chồng người; Những người ti hí mắt lươn/ Trai thời trộm cướp, gái buôn chồng người* (Nguyen, 2002b, p.2100)... Trộm cướp là một hành vi phạm tội khi một người hoặc một nhóm người lén lút, bí mật hay chủ động cưỡng đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, không có sự cho phép của chủ nhân. Đây là hành động sai trái, luôn bị xã hội lên án. Tỷ lệ người phạm tội trộm cướp ít nhiều cũng cho thấy mức độ thịnh trị của từng thời điểm. Chẳng hạn, ở Việt Nam, dưới thời trị vì của vua Lê Thánh Tông (1460-1497), nhà Hậu Lê, chế độ phong kiến phát triển cực thịnh, xã hội lúc bấy giờ “ngủ yên mọi nhà không phải đóng cửa”.

Nếu nét âm bản về *sự gian dối* nói về cả hai giới thì câu chuyện phẩm hạnh, dân gian chủ yếu hướng đến đối tượng là nữ giới, với các nét tính cách như dâm dục, dâm ô, đa dâm, nhục dục, lăng lợ, đong đưa, buôn chồng người, đa tình: *liếc ngang, ngoại tình, bội bạc*... Như đã biết, Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu đậm của lễ giáo. Theo đó, Nho giáo cho rằng nếu con người thiên về tình cảm mà thiếu sự giáo dục thì cũng dễ sa vào buông tuồng. Không

Từ cho rằng có ba điều ưa thích được lợi ích, có ba việc ưa thích phải tổn hại. Ba điều ưa thích phải tổn hại là: “Ưa kiêu sa dục lạc, ưa chơi bời phóng túng, ưa yến tiệc vui say” (Vu, 1995, p.97). Như vậy, trong ba điều này thì kiêu sa dục lạc và chơi bời phóng túng được xếp trước. Khi nhận xét về thơ Quan Thư, Khổng Tử cho rằng “vui mà không dâm, đau đớn mà không bi thương” (dẫn theo Vu, 1995, p.103). Ở đây, theo Khổng Tử, nội hàm của từ dâm có hai nghĩa: 1) Sự thái quá, quá vui, quá triền miên, phá vỡ sự hài hòa; 2) Sự ham mê sắc đẹp, tính dục có hại cho đạo đức. Mạnh Tử cũng cho rằng: “Cách bồi dưỡng lương tâm hay hơn hết là nên bớt dần những điều ham muốn” (Vu, 1995, p.98). Cùng với đó là quan niệm *nam tôn nữ ti* nên người phụ nữ luôn bị dân gian “đặt lên bàn cân”, nhất là những chuyện liên quan đến phẩm hạnh, những chuyện tứ đức. Nét tính cách đa tình – ngoại tình thường đi liền với các đặc điểm: *Mắt mọc nút ruồi xinh xinh/ Lại như wót rướt, mày xanh mi dày/ Đa tình thì chẳng kém ai/ Trong nhà dù có, ra ngoài cũng thêm* (Ngo, 2015, p.45); *Mi nhỏ như sợi chỉ mảnh/ Tình trong chưa thấm, ngoại tình đã giao* (Ngo, 2015, p.45)... Dân gian nhận diện nữ giới có tính cách dâm ô, dâm dục, đa dâm, nhục dục bởi một số đặc điểm như: *Đại, tiểu mà ra một lần/ Đàn bà như thể phong trần, dâm ô* (Ngo, 2015, p.45); *Hồi cô mặc áo the thâm/ Chân đi chữ bát, đa dâm thánh thần; Hồng diện đa dâm thủy; đa mi tất đa mao; triết yêu âm huyết hạ; trường túc bất chi lao* (Ngo, 2015, p.62). Chân đi chữ bát là cách đi mà hai chân khuynh ra hai bên như chữ bát 八, dân gian còn gọi là đi “chàng hăng”. Dáng đi có thể không đẹp, ít nhiều mang tính di truyền. Tuy vậy, từ dáng đi này để “quy kết” chuyện dâm tục, tính cách con người là không có cơ sở, chưa chứng minh được. Theo chúng tôi, những đánh giá kiểu như: *Những người phình phính mặt mo/ Chân đi chữ bát thì cho chẳng màng* (Chu & Luong, 1993, p.310) hay *Chân đi chữ bát dứt khoát l... to* (Ngo, 2015, p.34) đều là những suy đoán, suy diễn mang tính chủ quan, cảm tính.

Như vậy, qua tục ngữ, ca dao người Việt, dân gian luận bàn nhiều về tính cách của con người. Bởi tính cách là yếu tố quan trọng nhất để đánh giá con người. Bên cạnh việc đánh giá một số điểm cộng qua các đức tính như: thật thà, nhân nghĩa, khoan hòa, gan dạ, chịu đựng, thẳng thắn, phúc hậu... là nhiều nét âm bản với các tính cách như: tiểu nhân, hay hèn, xấu láo, dữ tợn, ham ăn, ăn vụng, chây lười... và nhất là gian dối, dâm dăng.

2.2. Quan niệm nhân tướng của dân gian về chuyện tình duyên và chuyện chồng con

Cùng với chuyện tính cách, dân gian quan tâm nhiều đến chuyện chồng con, chuyện nhân duyên. Trừ một số người sống độc thân hay tu trì, phần lớn còn lại là trai lớn đến tuổi hỏi vợ, gái lớn đến tuổi cưới chồng. Do vậy, việc dựng vợ, gả chồng và truyền sinh được xem là nhiệm vụ cao cả, là chuyện trọng đại của đời người.

Trước hết là chuyện tình duyên, duyên số. Dân gian quan niệm rằng, vợ chồng là do duyên số: *Thiên duyên kì ngộ gặp chàng/ Khác nào như thể phượng hoàng gặp nhau* (Nguyen, 2006, p.134) hay *Đôi ta đã xứng vợ chồng/ Duyên trời đã định tơ hồng đã se.* (Nguyen, 2006, p.343). Tơ hồng là chi tiết liên quan đến điển tích chàng nho sĩ tên Vi Cố với cụ già râu tóc bạc phơ. Theo dân gian, cụ già chính là Nguyệt Lão, người có quyền sở

định chuyện hôn nhân cũng như lấy chỉ đồ để se duyên vợ chồng cho các cặp. Điển tích này khi vào Việt Nam đã được dân gian biến thành quan niệm ông Tơ bà Nguyệt. Trong quan niệm của dân gian, duyên số giống như *định mệnh*, việc chàng trai cô gái nên vợ chồng là chuyện mà ông trời đã sắp sẵn, có muốn tránh cũng không được: *Ai xinh thì mặc ai xinh/ Ông Tơ chỉ quyết se mình với ta* (Nguyen, 2006, p.27). Cũng có trường hợp, khi tình yêu đã nở, số mệnh chỉ là cái cớ để cả hai “ngụy biện” cho mối lương duyên của mình. Đây là cách lí giải tình duyên của chàng trai: *Tay cầm quyển sách bìa xanh/ Xem trong số mệnh, tuổi anh hợp nàng/ Tay cầm quyển sách bìa vàng/ Xem trong số mệnh, tuổi nàng hợp anh* (Nguyen, 2006, p.362-363). Đây là cách giải thích chuyện duyên số của nàng: *Cha mẹ em đoán số cho chàng/ Đoán cung thế thiếp rõ ràng tên em* (Nguyen, 2006, p.464). Tuy vậy, cũng có không ít trường hợp hai người có duyên số với nhau nhưng phải đối mặt rất nhiều rào cản đến từ các bậc sinh thành: *Đôi ta như lúa đồng đồng/ Đẹp duyên nhưng chẳng đẹp lòng mẹ cha/ Đôi ta như chỉ se ba/ Thầy mẹ se ít, đôi ta se nhiều* (Nguyen, 2006, p.175). Thậm chí, khi kiếp này duyên số trắc trở, dân gian vẫn tin vào sự tương phùng ở kiếp sau: *Kiếp này đã lỡ làng duyên/ Kiếp sau xin đợi cứu tuyến gặp nhau* (Nguyen, 2006, p.241). Niềm tin nên duyên kiếp sau xuất hiện khá nhiều trong truyện cổ tích, nhất là trong các truyện thơ dân gian của các dân tộc thiểu số.

Cưới được vợ, lấy được chồng là chuyện khó. Do vậy, ai cũng mong ước vợ chồng được sống hạnh phúc bên nhau đến đầu bạc, răng long: *trăm năm tình viên mãn, bạc đầu nghĩa phu thê*. Đó là một ước mơ chính đáng, đẹp đẽ và ý nghĩa, song thực tế cho thấy cũng có nhiều người, đặc biệt là người vợ phải nếm trải nhiều dư vị cay đắng đến từ đời sống hôn nhân. Theo dân gian, người phụ nữ có gò má cao được xem là tướng diện không tốt: *Đàn bà xương má nổi cao/ Buồn chồng, phòng vắng biết bao nhiêu lần* (Ngo, 2015, p.45). Thậm chí, dân gian còn cho rằng người phụ nữ có gò má cao là tướng sát chồng: *Má cao mà lại đổ hồng/ Là tướng sát chồng, mà lại ít con* (Ngo, 2015, p.44). Trong quan niệm của người xưa, phụ nữ có gò má cao thường là người có cá tính mạnh mẽ, ham muốn chiếm hữu và kiểm soát người khác. Về tính cách, đây là những phụ nữ có tính khí mạnh mẽ, độc đoán, thích nắm quyền và dễ gây xung đột trong gia đình. Điều này được xem là đi ngược với truyền thống, khi lễ giáo yêu cầu phụ nữ là phải tuân thủ tam tòng, nhất là phải vâng phục, tuân phục chồng mình. Ngoài chuyện chồng con, người có gò má không cân đối cũng được xem là người phải chịu nhiều khổ cực: *Gò má mà chẳng cân phân/ Cuộc đời cam chịu lắm phần lao đao* (Ngo, 2015, p.34).

Lễ giáo phong kiến trói buộc người phụ nữ vào những quy định ngặt nghèo của *tam tòng tứ đức*. Pháp luật Việt Nam thời phong kiến không cấm chuyện tái giá. Tuy vậy, nếu chồng chết sớm, lễ giáo phong kiến cũng yêu cầu người phụ nữ phải tiếp tục ở vậy để thờ chồng, để chăm lo cho con cái. Chính sử Việt Nam thường nêu khen những người phụ nữ *tiết nghĩa, trinh liệt*. Nếu có tái giá thì người phụ nữ này bị tước đi nhiều quyền lợi như “không được giữ điền sản” (Nguyen, 2011b, p.339) – tức bị “trấn lột” toàn bộ tài sản, mà

trong đó có sự góp công của mình rất nhiều. Và đau đớn nhất là bị xóa tư cách làm mẹ! *Thiên Nam dư hạ tập* quy định: “Mẹ đẻ đã đi lấy chồng thì khi mất, con cái không có phép để tang. Thực ra, những quy định này có nguồn gốc từ *Kinh lễ*, khi Nho giáo quy định “mẹ đi lấy chồng không phải để tang”” (Nguyen, 2011a, p.272). Nói chung, theo dân gian thì phụ nữ chuẩn mực không lấy hai chồng! Do vậy, người phụ nữ phải đi hai lần dò được xem là có số hẩm hui, đen bạc, bị coi khinh. Truy tìm nguyên nhân, có khi dân gian vận đến kiến thức của tử vi để cho rằng chuyện đa đoan là do tuổi của mình: *Đàn ông tuổi Tí thì tài/ Đàn bà tuổi Tí thì hai đời chồng* hay *Trai Đinh, Nhâm, Quý, Giáp thì tài/ Gái Đinh, Nhâm, Quý phải hai lần dò* (Ngo, 2015, p.43). Có khi là do một số đặc điểm ngoại hình của khổ chủ, như: *Đàn bà mất lươn hai chồng/ Đàn ông mất điều hai vợ; Đàn ba hướng đi hàng hai/ Thiếu niên lao khổ, khắc hai đời chồng; Gái mà da đỏ hồng hồng/ Dài cằm, miệng rộng, có chồng lấy trai* (Ngo, 2015, p.45)...

Là một đất nước với truyền thống nông nghiệp lúa nước và với *tín ngưỡng phồn thực*, các gia đình người Việt luôn mong ước có đông con lắm cháu. Họ xem đó là cái phúc của trời. Ngược lại, người đàn bà không sinh con được xem là một mối họa: *Cây độc không trái, gái độc không con* (Nguyen, 2002a, p.407). Trong *Luật Hồng Đức* quy định, người vợ không có con thì chồng được phép li dị (chưa biết là do chồng hay do vợ!). Chính vì thế, một mặt tin vào duyên số nhưng mặt khác khi tìm vợ cho con trai, bố mẹ chú rể cũng phải “sàng lọc” các ứng viên dựa vào quan niệm nhân tướng học dân gian. Theo dân gian, một số đặc điểm nhận dạng bên ngoài của người con gái có thể đoán định được khả năng sinh sản của họ. Chẳng hạn như eo phải thon nhỏ, phải thắt đáy lưng ong: *Chân dài eo thắt/ Cháu chất đầy nhà* (Ngo, 2015, p.43). Vòng eo đẹp phải là vòng eo nhỏ, được dân gian hình tượng hóa bằng định danh “thắt đáy lưng ong”. Theo dân gian, người phụ nữ sở hữu vòng hai như vậy được xem là người khỏe mạnh, sinh nở tốt, đảm đang, biết chăm lo cho chồng con lại khôn khéo, tài giỏi. Quan niệm này cũng từng được nhắc đến trong câu: *Cổ cao ba ngón, tóc quán ba vòng/ Thắt đáy lưng ong, con dòng cháu giống* (Ngo, 2015, p.34). Ngược lại với người có vòng eo chuẩn là những người phụ nữ có ngoại hình to, mập, được xem là háu ăn, lười biếng: *Lưng dài, vai mập ba gang/ Ăn nhai nửa miệng: Khô khan chày lười* hay *Những người béo trọc béo tròn/ Ăn vụng như chớp, đánh con cả ngày* (Nguyen, 2002b, p.2096). Ngoài chuẩn eo, dân gian cũng xem nhân trung, nốt ruồi son, lưng... cũng là dấu chỉ tích cực cho thấy người phụ nữ giỏi đường con cái. Sau đây là một vài minh chứng: *Nhân trung thâm trường, tử tôn mãn đường; Lưng cong, móng rồng, chân dài/ Con đông, chồng giỏi, cuộc đời giàu sang; Những người nhiều nốt ruồi son/ Bạc tiền sung túc, cháu con vui vầy* (Ngo, 2015, p.40). Ngược lại, cũng theo kinh nghiệm dân gian thì người phụ nữ mà có giọng nói sang sảng, chân thẳng ống đồng, má cao được xem là tướng diện không tốt về đường con cái: *Đàn bà sang sảng tiếng đồng/ Chẳng khó đường chồng cũng khó đường con* (Ngo, 2015, p.45); *Đàn bà chân thẳng ống đồng/ Khó con mà lại sát chồng, nguy nan* (Chu & Luong, 1993, p.312); *Má cao mà lại đỏ hồng/ Là tướng sát chồng, mà lại ít con* (Ngo, 2015, p.42).

Những phân tích trên cho thấy rằng, trong quan niệm của dân gian, vợ chồng là do duyên số. Tuy vậy, không phải cứ có duyên là đến được với nhau, không phải cứ cưới là sống hạnh phúc được với nhau. Đó là những trường hợp người phụ nữ được xem là có tướng sát phu, những người sinh vào những năm không tốt. Cũng qua đây, dân gian cho thấy những đoán định về mẫu người phụ nữ khó con hay giỏi về đường con cái.

2.3. Quan niệm nhân tướng của dân gian về các chuyện khác

Sau chuyện tính cách, chuyện tình duyên và hôn sự, dân gian cũng quan tâm đến một số chuyện khác như chuyện tài năng, hoạn lộ, chuyện tiền tài và tuổi thọ của con người. Như vậy, nhân tướng học có phổ rộng, bàn đến tất cả các vấn đề liên quan đến cuộc sống con người. Xét về góc độ giới, nếu tính cách, chuyện hôn sự, tử tôn... liên quan đến nữ giới nhiều hơn, thì những chuyện như tài năng, hoạn lộ... lại liên quan nhiều đến nam giới. Bởi theo quan niệm của Nho giáo, người nam là chủ gia đình, là người tham gia các hoạt động xã hội. Do vậy, để đảm nhận tốt vai trò này, người nam cần phải thi thố, thể hiện tài năng, năng lực của mình. Dân gian vẫn bảo “trai tài, gái sắc” là vậy.

Trước hết là chuyện *tiền tài, giàu sang*. Sống ở đời, ai cũng muốn mình có một cuộc sống đủ đầy cả vật chất lẫn tinh thần, ai cũng muốn giàu có. Rõ ràng, để sống được, con người trước hết và bắt buộc phải lao động, *muốn ăn phải lặn vào bể*. Tuy vậy, không ai mong cầu đến cảnh làm đồng nào tiêu hết đồng đó, không ai muốn rằng sự lao lực của mình chỉ là tạm bợ qua ngày. Theo nhân tướng học dân gian, những người có số nghèo khổ thường có đặc điểm như lỗ mũi hình/hềnh, các ngón tay thưa (không giữ được tiền) hay có hàm răng lộ xỉ: *Những người lỗ mũi hểnh lên/ Tiền của mang đến một bên vẫn nghèo; Ngón tay bàn móng, kẻ thưa/ Dù làm cho cổ cũng chưa có giàu* (Ngo, 2015, p.31); *Người nào lộ xỉ, môi dày/ Tướng y như vậy, nạn tai rất nhiều/ Sáng mai chạy riết tới chiều/ Những người như thế, làm nhiều không dư* (Ngo, 2015, p.34)... Răng lộ xỉ là tình trạng răng bị lệch, không đều. Chúng ta còn gặp kinh nghiệm dân gian qua câu: *Người nào con mắt tà tà/ Răng hô, môi trớt, thiệt là nghèo khô* (Ngo, 2015, p.34). Ngược lại, nếu chủ nhân có hàm răng đều, ngoài giá trị về vẻ đẹp còn được xem là người có tướng quý nhân: *Tựa như hạt lựu soi đèn/ Đủ bả sáu cái nắm quyền tướng khanh* (Ngo, 2015, p.32). Ngoài chuyện giàu nghèo, theo dân gian hàm răng còn thể hiện tài năng, tính cách con người: *Răng thô lại bé li ti/ Học cho nhọc xác, cũng đi hầu người; Hai môi không giữ kín răng/ Là người yếu tướng, nói năng hỗn hào; Răng cao, miệng nhỏ: điều ngoa/ Răng thấp môi kín: thương cha nhớ chồng* (Ngo, 2015, p.30). Trở lại chuyện giàu sang, tiền tài. Theo dân gian, một số đặc điểm nhận dạng của kẻ giàu sang như năm co, năm ngón tay chụm lại, ngón tay đeo nhẫn tốt, nốt ruồi ở cổ: *Người giàu có: tướng năm co/ Kẻ năm sóng sượt, có cho chẳng thềm* (Ngo, 2015, p.46); *Bàn tay chó bới thì giàu* (Ngo, 2015, p.49); *Những người khéo léo gọn gàng/ Tay ngón nhẫn tốt, lại càng thon don/ Bàn tay ngọc chuốt như son/ Trọn đời khỏi phải lo toan vì tiền* (Ngo, 2015, p.38); *Nốt ruồi ở cổ là lỗ tiền chôn/ Nốt ruồi ở tay ăn vay cả đời* (Chu & Luong, 1993, p.310) “Bàn tay chó bới” là bàn tay mà cả năm ngón chụm lại, tức năm ngón tay khi chụm lại không bị hở. Theo dân gian,

người sở hữu bàn tay này là những người giỏi quản lí tiền bạc, biết chi tiêu, làm việc cẩn thận, có kế hoạch, biết nhìn xa và không bao giờ tiêu tiền một cách mù quáng. Người nằm co được cho là có khả năng giàu, vì có thể dân gian cho rằng đây là những người hay lo lắng, biết toan liệu chuyện làm ăn, đến cả trong giấc ngủ cũng không... thoải mái!

Liên quan đến chuyện tiền tài là chuyện tài năng của con người, bởi người có tài thì cũng thường có cuộc sống đủ đầy. Với quan niệm luôn đề cao, trọng dụng nhân tài, với truyền thống hiếu học, cha ông chúng ta luôn khuyến khích, động viên tinh thần hiếu học của con cháu. Dân gian vẫn cho rằng: *cần cù bù thông minh* nhưng mặt khác họ cũng cho rằng tài năng con người có thể được “phát tiết” bằng nhiều cách nhận diện khác nhau về miệng, bụng phê, bàn tay, hình dáng cái tai: *Đàn ông rộng miệng thì tài/ Đàn bà rộng miệng, điếc tai xóm giếng* (Nguyễn, 2002a, p.952); *Bốn mươi bụng phê phê phê/ Công danh nổi gót, hưởng về hậu lai; Người nào mình hạc xương mai/ Bàn tay đỏ chói: có tài, thông minh* (Ngo, 2015, p.34); *Tai quặp về trước, búm tròn/ Không cháu tể tướng, cũng con anh tài* (Ngo, 2015, p.33)... Theo dân gian, tài năng con người thể hiện rõ nhất qua hình dáng của trán. Trong giải phẫu người, trán là phần nằm phía trên và hơi nhô ra phía trước đầu. Nó được đánh dấu bằng đường tóc mọc. Có thể, dân gian chưa biết mối quan hệ giữa thùy trán và hoạt động của não bộ nhưng nhờ vào kinh nghiệm cùng với một số quan sát mang tính cảm tính, họ đã đưa ra một số nhận xét, đoán định về khả năng, tài năng của con người. Chẳng hạn, dân gian cho rằng: *Tướng người trán ngắn, đầu to/ Quanh năm chỉ biết chăn bò chăn trâu hay Mặt to, tai nhỏ, trán sâu/ Học hành dốt nát, tham cầu miếng ăn* (Ngo, 2015, p.34). Như vậy, theo sự suy đoán này thì kích thước trán tỉ lệ thuận với sự thông minh, tài năng của con người. Do vậy, với những người có trán rộng hay trán nhẵn được xem là có nhiều tài năng: *Đàn ông trán rộng có tài/ Đàn bà trán dẹt lâu dài soi gương* (Ngo, 2015, p.27) hay *Môi hồng, da trắng, trán nhẵn/ Được nghề bút pháp, thơ văn yêu đời* (Ngo, 2015, p.30). Dân gian nói nhiều hơn cả về những người trán cao với những tài năng đi kèm như có khoa ăn nói, văn chương, khoa bảng, học rộng: *Trán cao, miệng rộng, mũi dài/ Có khoa ăn nói, ít ai sánh bằng* (Ngo, 2015, p.30); *Trán cao có cái đầu vuông/ Văn chương, khoa bảng có nhường ai đâu; Trán cao, mắt sáng phân minh/ Là người học rộng, công danh tuyệt vời* (Ngo, 2015, p.26). Quan niệm rằng người có trán rộng, trán cao là thông minh có thể do người xưa tin rằng bộ não lớn hơn có khả năng chứa đựng nhiều kiến thức hơn và do đó có trí óc thông minh hơn. Tuy nhiên, ngày nay khoa học đã chứng minh rằng kích thước của bộ não không phản ánh trí thông minh. Nhiều yếu tố khác như cách kết nối các tế bào não, sự linh hoạt tư duy, và khả năng giải quyết vấn đề cũng đóng vai trò quan trọng trong đánh giá mức độ thông minh của một người.

Tài năng thường phải được “hiện thực hóa” bằng hành động. Theo dân gian, người có tài, ngoài chuyện thi phú, còn phải là người làm quan giúp đời. Hay nói cách khác, theo quan niệm dân gian, quan lại chính là những người có tài. Bởi theo truyền thống, để được làm quan thì những người này phải thi đậu những kì thi Nho học mới được bổ nhiệm. Trong tâm

thức, người dân coi quan cũng là cha mẹ dân, thường gọi quan sở tại là *quan phụ mẫu*. Cho nên, người dân coi quan cũng rất trọng vọng, rất tôn kính. Dấu chỉ tài năng thường được thể hiện qua bàn tay: *Bàn tay đỏ ửng như son/ Không người danh tướng cũng con học hành* (Ngo, 2015, p.30); qua nhân trung (đường rãnh ở phía dưới mũi và phía trên bờ môi): *Nhân trung sâu tựa như đào/ Vang danh thế giới, anh hào ai đương* (Ngo, 2015, p.26); qua cách đi đứng khoan thai: *Mắt ngược, chân bước nhẹ nhàng/ Tướng đi khang nhả, rõ ràng hiền nhân* (Ngo, 2015, p.35) hay *Người nào gương mặt hiền ngang/ Bộ đi, tướng đứng đàng hoàng cao sang/ Dẫu không làm lớn trong làng/ Cũng là cực phẩm trào đàng chẳng sai* (Ngo, 2015, p.31)...

Trong quan niệm của dân gian, trần gian là cõi tạm – *sinh kí tử quy*, dẫu biết đời là bể khổ nhưng xưa nay con người vẫn luôn muốn kéo dài sự sống, vẫn muốn trường sinh bất lão. Cũng vậy, ngoài việc đánh giá, nhận định về tính cách, về chuyện chồng con, duyên số, tiền tài... dân gian cũng có những nhận định về chuyện sống chết của con người. Trong 10 đơn vị nói về chuyện sinh tử thì có 07 đơn vị đề cập đến chuyện *yếu mệnh* với các đặc điểm như: *con mắt tà tà, lỗ mũi vạy vọ, trán méo một bên, mũi gãy, tóc ít, phát phì, tiếng nhỏ mà lại không vang...* Xin dẫn ba câu sau làm minh chứng: *Má hồng, trán bóng có duyên/ Lương tâm dẫu tốt, đừng hòng tuổi cao* (Ngo, 2015, p.45); *Đàn ông mặt nhỏ, lớn lưng/ Cũng là yếu tướng, thọ chừng bốn mươi; Hai môi không giữ kín răng/ Là người yếu tướng, nói năng hỗn hào* (Ngo, 2015, p.41). Có thể do điều kiện chăm sóc y tế ngày xưa còn kém nên tuổi thọ con người không cao. Do vậy, họ luôn bị ám ảnh chuyện đoán mệnh. Cũng theo dân gian, người có tướng thọ thường có miệng như cười, mũi rỗng, nước da hồng hào... đặc biệt là có tai Phật: *Tai dài như Phật, quả thật sống lâu* (Ngo, 2025, p.50); *Người nào cái miệng như cười/ Mũi rỗng, tai Phật thiệt người sống lâu* (Ngo, 2015, p.29); *Người nào tai Phật, miệng dơi/ Nước da tươi nhuận, thiệt người sống lâu* (Ngo, 2015, p.27). Tai Phật là một dáng tai đẹp mang lại nhiều may mắn, phú quý. Đặc điểm của dáng tai này là dái tai dày, chiều cao của tai nhô cao hơn so với lông mày. Theo nhân tướng học, người có dáng tai này được coi là điềm lành, là người có trí tuệ tuyệt vời và đặc biệt là sống thọ.

Tuy xuất hiện không nhiều nhưng các vấn đề như chuyện tài năng, hoạn lộ, chuyện tiền tài và tuổi thọ của con người cũng được dân gian đề cập. Xét về góc độ giới, khác với hai nội dung trên, phần dân gian đề cập nhiều hơn về nam giới.

3. Một số nhận xét

Sau khi đã khảo sát về nhân tướng học trong tục ngữ, ca dao người Việt, chúng tôi rút ra một số cảm nhận, kết luận như sau:

Thứ nhất, do ảnh hưởng của lễ giáo phong kiến và giáo lí Phật giáo, nhân tướng học ít nhiều chịu ảnh hưởng của hai hệ tư tưởng này. Thể hiện rõ nhất qua quan niệm *tam tông tứ đức* hay chuyện *tiết dục, cấm dục* của Nho giáo, Phật giáo. Hay nói cách khác, nhân tướng học trong ca dao, tục ngữ người Việt cũng có *tính định hướng*. Trước đây, Đồng Trọng Thư từng nói “Ngăn chặn mọi điều ác ở trong, không để chúng thoát ra ngoài, đó là tâm. Cho nên

tâm được gọi là nhậm (ngăn chặn) (...). Tròi có sự ngăn chặn khí Âm Dương, thân người có sự ngăn chặn tình dục, cũng y như một vói đạo trời (...). Tại sao con người không giảm bớt tình dục để thích ứng với trời?" (Phung, 2013, p.34). Rất nhiều câu tục ngữ cho thấy dân gian hết sức dè chừng với những động thái liên quan đến hoạt động tình dục. Chẳng hạn, một mặt họ cho rằng người phụ nữ có má hồng là xinh đẹp, quyến rũ (*Ai xui má đỏ hồng hồng/ Để anh nhắc thấy đem lòng thương yêu* – Nguyen, 2006, p.28) nhưng mặt khác họ cũng cho rằng đó là biểu hiện của người phụ nữ có tính dâm (*Da bỏ quân cỡi quần không kịp* – Ngo, 2015, p.29).

Thứ hai, về phương diện thi pháp, những đơn vị đề cập nhân tướng học cũng có kết cấu riêng, khá đặc thù với hai phần riêng biệt. Thông thường, mỗi đơn vị là một cặp lục bát, trong đó câu đầu là phần mô tả những đặc điểm, tính cách của một kiểu người; phần thứ hai là kết quả, tức ráp kiểu người tương ứng với loại tính cách đó. Chẳng hạn: *Gái mà chân bước lĩa ra/ Góa chồng, con cũng hai cha là thường* (Ngo, 2015, p.43), hay *Mắt ngược, chân bước nhẹ nhàng/ Tướng đi khang nhả, rõ ràng hiền nhân* (Ngo, 2015, p.34). Đây là cách lập luận, diễn đạt theo kiểu *nhân – quả, diễn dịch – quy nạp*; đưa nguyên nhân, đặc điểm ra trước rồi sau đó mới cung cấp đáp án. Cách kết cấu này cũng tạo nên một *thương hiệu* riêng cho các bài ca dao, tục ngữ về chủ đề này.

Thứ ba, nhân tướng học thể hiện quan niệm của con người trong một thời đại nhất định. Do mang tính lịch sử nên các quan niệm, nhận định, tổng kết không phải *luôn luôn đúng*, nhất là khi có sự sàng lọc của thời gian. Chẳng hạn các quan niệm như: *Âm hộ vô mao bản chi tử; Có phúc thì mới có lông/ Người nào vô phúc sạch không lâu lâu* (Nguyen, 2002a, p.681). Bên cạnh đó, khi đặt trong sự so sánh – đối chiếu giữa các đơn vị với nhau, chúng ta cũng nhận thấy có một số điểm *mâu thuẫn*. Chẳng hạn, phần lớn quan điểm nhân tướng học đều xem rằng môi dày là một điểm cộng – như mục nhân tướng học về tính cách ở trên nhưng mặt khác cũng có những câu như: *Người nào lộ xỉ, môi dày/ Tướng y như vậy, nạn tai rất nhiều/ Sáng mai chạy riết tới chiều/ Những người như thế, làm nhiều không dư* (Ngo, 2015, p.34). Hay một mặt dân gian xem đầu ít tóc, không có tóc là *kém công danh lao lực về sau* nhưng ngược lại dân gian cũng cho rằng: *Đàn ông ít tóc an nhàn/ Đàn bà ít tóc: dở dang duyên tình* (Ngo, 2015, p.32). Sự thiếu nhất quán này cũng cho thấy nhân tướng học cũng chỉ là một kênh tham khảo, chứ hoàn toàn không phải là một chân lí với mọi thời.

Thứ tư, *xét về góc độ giới*, phần lớn câu tục ngữ nói về nhân tướng học về tính cách, về chuyện chồng con, con cái... đều hướng đến nhân vật nữ giới. Những nhận định này đều cho thấy sự phê phán, xét đoán khắt khe, dè chừng với nữ giới. Chẳng hạn, người phụ nữ có má hồng được xem là đẹp, nhiều người yêu thích nhưng mặt khác họ cũng răn đe rằng đây là những kẻ có tính dâm: *Những cô má đỏ hồng hồng/ Nước l... tát mấy gầu sông cho vơi* (Ngo, 2015, p.34) hay *Da bỏ quân cỡi quần không kịp*. (Nguyen, 2002a, p.235). Như vậy, một mặt họ biết và cũng trân quý cái đẹp, nhưng mặt khác dân gian cũng luôn phòng ngừa, và đưa ra những khuyến cáo để răn đe người khác. Vì thế, những kinh nghiệm dân gian và

cả nhân tướng học cũng chỉ là một kênh để tham khảo, chứ hoàn toàn không phải là những mặc định để quy kết người khác. Hơn nữa, giả sử cho rằng mỗi người có một số mệnh thì dân gian vẫn nhận thấy “đức năng thắng số” mà!

Cuối cùng, cùng một đặc điểm nhưng ứng với từng giới thì có những đoán định khác nhau. Chẳng hạn, sinh cùng năm nhưng nam thì xem như: *Đàn ông tuổi Tí thì tài/ Đàn bà tuổi Tí thì hai đời chồng* (Ngo, 2015, p.34), hay *Đàn bà nhiều tóc thì sang/ Đàn ông nhiều tóc thì mang nặng đầu* (Ngo, 2015, p.37). Thậm chí, có thể tuổi không tốt nhưng sinh đúng giờ tốt thì vẫn có hậu vận tốt: *Người ta tuổi Ngọ, tuổi Mùi/ Tôi nay cực khổ bụi người tuổi Thân/ Tuổi Thân thì mặc tuổi Thân/ Sinh đúng giờ Dần, vẫn cứ làm vua* (Ngo, 2015, p.41).

4. Kết luận

Nhân tướng là bộ môn nghiên cứu các đặc điểm trên khuôn mặt hay các bộ phận khác của con người để suy đoán tính cách, số mệnh sướng, khổ của một người. Khảo sát 210 đơn vị liên quan đến đề tài, chúng tôi nhận thấy rằng dân gian đề cập một số vấn đề như bàn về tính cách con người, về chuyện tình duyên và chuyện chồng con, về một số vấn đề khác như tài năng, hoạn lộ, chuyện tiền tài và tuổi thọ của con người. Các đoán định, nhận định này chịu ảnh hưởng khá rõ nét tư tưởng lễ giáo phong kiến cũng như giáo lí Phật giáo. Do vậy, bên cạnh một số đoán định còn có giá trị, cũng có một số phán đoán đã cho thấy sự lỗi thời, sự thiên vị của nó, nhất là những nhận định liên quan đến nữ giới. Khảo sát cũng cho thấy các đơn vị nói về nhân tướng học có kết cấu riêng theo kiểu *nhân – quả, diễn dịch – quy nạp*. Như vậy, nhân tướng học trong ca dao, tục ngữ của người Việt phản ánh nhiều nội dung liên quan đến con người và có nhiều vấn đề thú vị mà chúng ta cần nghiên cứu.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Chu, X. D., & Luong, V. D. (1993). *Tục ngữ Việt Nam [Vietnamese proverbs]*. Social Sciences Publishing House.
- Dao, D. A. (1998). *Việt Nam văn hóa sử cương [Vietnam's history and culture]*. Dong Thap General Publishing House.
- Hoang, T. C. (2020). *Bat hieu huu tam, vo hau vi dai [There are three sins of filial piety, but not having children is the greatest]*. <https://tuanconghthuphong.blogspot.com/p/am.html>
- Le, T. Y., & Dam, A. T. (2012). *Phep thuat, tuong so, boi toan, phong thuy – niem tin tam linh trong van hoc trung dai [Magic, physiognomy, fortune telling, feng shui - spiritual beliefs in medieval literature]*. *Science Magazine of Ho Chi Minh City University of Education Ho Chi Minh*, (38), 12-23. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.38.1806\(2012\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.38.1806(2012))
- Ngo, S. K. (2015). *Ca dao, tục ngữ nói về tuong mao con nguoi [Folk songs and proverbs talk about human appearance]*. Social Sciences Publishing House.

- Nguyen, D. (selected by Ngan Ha) (2010). *Truyen Kieu [Kieu Story]*. Culture - Information Publishing House.
- Nguyen, N. N. (Editor), Le, T. A., & Tran, T. K. A. (2011a). *Dien che va phap luat Viet Nam thoi trung dai – tap I [Vietnamese statutes and laws in the medieval period - volume I]*. Social Sciences Publishing House.
- Nguyen, N. N. (Editor), Le, T. A., & Tran, T. K. A. (2011b). *Dien che va phap luat Viet Nam thoi trung dai – tap II [Vietnamese statutes and laws in the medieval period - volume I]*. Social Sciences Publishing House.
- Nguyen, X. K., Nguyen, T. L., Phan, L. H., & Nguyen, L. (2002a). *Kho tang tuc ngu nguoi Viet – tap I [Treasury of Vietnamese proverbs – volume I]*. Culture - Information Publishing House.
- Nguyen, X. K., Nguyen, T. L., Phan, L. H., & Nguyen, L. (2002b). *Kho tang tuc ngu nguoi Viet – tap II [Treasury of Vietnamese proverbs – volume II]*. Social Sciences Publishing House.
- Nguyen, X. K., & Phan, L. H. (2006). *Ca dao nguoi Viet – tap III [Vietnamese folk songs – volume III]*. Culture - Information Publishing House.
- Nhat Thanh (1992). *Dat le que thoi – tai ban [The land of the countryside – reprinted]*. Dong Thap Publishing House.
- Pham, V. H. (2019). *Van hoa tinh duc o Viet Nam the ki X – XIX [Sexual culture in Vietnam in the 10th - 19th centuries]*. Hanoi National University Publishing House.
- Phan, K. B. (2022). *Viet Nam phong tuc [Vietnamese customs]*. Literature Publishing House.
- Phung, H. L. (2013). *Lich su triet hoc Trung Quoc, tap 2 (translated by Le Anh Minh) [History of Chinese philosophy, volume 2] (translated by Le Anh Minh)*. Social Sciences Publishing House.
- Vu, K. (Ed.), Dang, N., & Le, T. Q. (1995). *Nho giao va gia dinh [Confucianism and family]*. Social Sciences Publishing House.

THE FOLK BELIEF IN PHYSIOGNOMY THROUGH VIETNAMESE FOLKSONGS AND PROVERBS

Dang Quoc Minh Duong

Van Hien University, Vietnam

Corresponding author: Dang Quoc Minh Duong – Email: duongdqm@vhu.edu.vn

Received: October 06, 2024; Revised: February 19, 2025; Accepted: March 01, 2025

ABSTRACT

Physiognomy studies the characteristics of the human body to predict a person's personality and destiny. An investigation of Vietnamese proverbs and folk songs shows that folk songs refer to a number of issues such as human personality, love stories, husbands and children, and other issues such as talent, fortune, money, human wealth, and longevity. Physiognomy in proverbs and folk songs is influenced by feudal ritual ideology and Buddhist teachings. With the refinement of time, today some judgments have shown their outdatedness and bias, especially those related to women. This study found that the units talking about physiognomy have their structure in the style of cause-effect and deduction-induction.

Keywords: physiognomy; personality; Vietnamese proverbs and folk songs